

## **4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Giáo dục thể chất 2**

### **4.2.1. Đánh giá thường xuyên**

#### **a) Đánh giá thường xuyên về nội dung học tập các chủ đề, hoạt động giáo dục**

– Giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá, nhưng chủ yếu thông qua lời nói chỉ ra cho học sinh biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; nhận xét khi cần thiết và có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời.

– Học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để học và làm tốt hơn.

– Cha mẹ học sinh trao đổi với giáo viên về các nhận xét, đánh giá học sinh bằng các hình thức phù hợp và phối hợp với giáo viên động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện.

#### *b) Đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực*

– Giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá; căn cứ vào những biểu hiện về nhận thức, hành vi, thái độ của học sinh; đối chiếu với yêu cầu cần đạt của từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi theo môn học Giáo dục thể chất cấp Tiểu học để nhận xét và có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

– Học sinh được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi để hoàn thiện bản thân.

– Cha mẹ học sinh trao đổi, phối hợp với giáo viên động viên, giúp đỡ học sinh rèn luyện và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi.

#### **4.2.2. Đánh giá định kì**

##### *a) Đánh giá định kì về nội dung học tập các chủ đề, hoạt động giáo dục*

Vào giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học, giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và yêu cầu cần đạt, biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng chủ đề, hoạt động giáo dục để đánh giá học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục theo các mức sau:

– Hoàn thành tốt: thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

– Hoàn thành: thực hiện được các yêu cầu học tập và có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

– Chưa hoàn thành: chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập hoặc chưa có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

##### *b) Đánh giá định kì về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực*

Vào giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên dạy cùng lớp, thông qua các nhận xét, các biểu hiện trong quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi học sinh, đánh giá theo các mức sau:

– Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên.

– Đạt: Đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên.

– Cần cố gắng: Chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ ràng.

### **4.2.3. Phương pháp đánh giá**

- Phương pháp quan sát: Giáo viên theo dõi, lắng nghe học sinh trong quá trình dạy học trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của học sinh để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.
- Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của học sinh: Giáo viên đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của học sinh, từ đó đánh giá học sinh theo từng nội dung đánh giá có liên quan.
- Phương pháp vấn đáp: Giáo viên trao đổi với học sinh thông qua việc hỏi – đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.

**Bảng 3. Gợi ý đánh giá sau khi kết thúc chủ đề **Đội hình đội ngũ**  
sách giáo khoa **Giáo dục thể chất 2****

Phân loại	Yêu cầu cần đạt
Hoàn thành tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện tốt vệ sinh cá nhân, đảm bảo an toàn trong tập luyện.</li> <li>+ Biết quan sát tranh ảnh và động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện.</li> <li>+ Thực hiện tốt các nội dung đội hình đội ngũ: Chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn và ngược lại; Giậm chân tại chỗ, đứng lại.</li> <li>+ Tham gia tích cực các trò chơi vận động rèn luyện đội hình đội ngũ.</li> <li>+ Hoàn thành tốt lượng vận động của bài tập.</li> <li>+ Nghiêm túc, tích cực, trung thực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hằng ngày.</li> </ul>
Hoàn thành	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bước đầu biết thực hiện vệ sinh cá nhân, đảm bảo an toàn trong tập luyện.</li> <li>+ Bước đầu biết quan sát tranh ảnh và động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện.</li> <li>+ Thực hiện được các nội dung đội hình đội ngũ: Chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn và ngược lại; Giậm chân tại chỗ, đứng lại.</li> <li>+ Tham gia các trò chơi vận động rèn luyện đội hình đội ngũ nhưng chưa tích cực.</li> <li>+ Hoàn thành lượng vận động của bài tập.</li> <li>+ Nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Bước đầu hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hằng ngày.</li> </ul>

<b>Chưa hoàn thành</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chưa biết thực hiện vệ sinh cá nhân, đảm bảo an toàn trong tập luyện.</li> <li>+ Chưa biết quan sát tranh ảnh và động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện.</li> <li>+ Chưa thực hiện được các nội dung đội hình đội ngũ: Chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn và ngược lại; Giậm chân tại chỗ, đứng lại.</li> <li>+ Hạn chế tham gia các trò chơi vận động rèn luyện đội hình đội ngũ.</li> <li>+ Chưa hoàn thành lượng vận động của bài tập.</li> <li>+ Ý thức và tinh thần tham gia tập luyện chưa cao.</li> </ul>
------------------------	---

Ngoài ra, giáo viên căn cứ theo Quyết định hiện hành số 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 18 tháng 9 năm 2008 về việc Đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên để đánh giá thể lực của học sinh (giáo viên nên thường xuyên cập nhật các quyết định mới được ban hành để đảm bảo việc đánh giá được thực hiện chính xác).

**Bảng 4. Tiêu chuẩn đánh giá thể lực đối với nam học sinh lớp 2  
(trích dẫn Điều 6, Quyết Định 53)**

Tuổi	Phân loại	Lực bóp tay thuận (kg)	Năm ngửa gấp bụng (lần/30 giây)	Bật xa tại chỗ (cm)	Chạy 30 m xuất phát cao (giây)	Chạy con thoi 4 × 10 m (giây)	Chạy tự ý sức 5 phút (m)
7	Tốt	> 13,3	> 10	> 134	< 6,30	< 13,20	> 770
	Đạt	≥ 10,9	≥ 5	≥ 116	≤ 7,30	≤ 14,20	≥ 670
8	Tốt	> 15,1	> 11	> 142	< 6,00	< 13,10	> 800
	Đạt	≥ 12,4	≥ 6	≥ 127	≤ 7,00	≤ 14,10	≥ 700

**Bảng 5. Tiêu chuẩn đánh giá thể lực đối với nữ học sinh lớp 2  
(trích dẫn Điều 7, Quyết Định 53)**

Tuổi	Điểm	Lực bóp tay thuận (kg)	Năm ngửa gấp bụng (lần/30 giây)	Bật xa tại chỗ (cm)	Chạy 30 m xuất phát cao (giây)	Chạy con thoi 4 × 10 m (giây)	Chạy tự ý sức 5 phút (m)
7	Tốt	> 12,2	> 7	> 124	< 7,30	< 13,40	> 760
	Đạt	≥ 9,9	≥ 4	≥ 108	≤ 8,30	≤ 14,40	≥ 640
8	Tốt	> 13,8	> 8	> 133	< 7,00	< 13,30	> 770
	Đạt	≥ 11,3	≥ 5	≥ 118	≤ 8,00	≤ 14,30	≥ 670